

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/LĐ-PT.
Ngày: 10 - 8 - 2020.
V/v Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2020/TLPT-LĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”. Do Bản án lao động sơ thẩm số 1558/2019/LĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2244/2020/QĐXXST-LĐ ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Biện Yến Anh T; sinh năm 1974; Cư trú tại: 104 Lô P, cư xá Thanh Đ, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L; sinh năm: 1988; Cư trú tại: Tầng 8, Tòa nhà Pax Sky 2, Số 34A đường Phạm Ngọc T, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 014596 ngày 06/7/2018 tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1983, là luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Bách L thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú tại: Tầng 4, Tòa nhà ATIC, Số 4 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Công ty C; Trụ sở tại: 67 UBI Road 1, # 10 - 06, Oxley Bizhub, Singapore 408730.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lạc Thị Tú D, sinh năm: 1983 và/hoặc ông Trần Hữu T1, sinh năm: 1992; Cùng địa chỉ liên lạc tại: 68/1 đường Quốc H, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 20/12/2018 của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Phước và các cộng sự, Thành phố Hồ Chí Minh) (ông Tiến có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Quang T2, sinh năm 1966, là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Phước và các cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ tại: 68/1 đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng đại diện Công ty C tại Việt Nam; Trụ sở tại: Tầng 3, Tòa nhà Itaxa, Số 19 đường Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Biền Yến Anh T là người lao động của Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty) theo hợp đồng lao động số CPVN 1501 ký ngày 01/07/2015 cho vị trí Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh với tiền lương: 79.205.000 đồng/tháng (bao gồm lương: 72.695.000 đồng/tháng và phụ cấp trách nhiệm: 6.510.000 đồng/tháng). Hợp đồng lao động có thời hạn từ ngày 01/7/2015 đến ngày 31/12/2017. Đầu tháng 02/2017, bà T nhận được Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động từ phía Công ty kèm Quyết định của Giám đốc Công ty về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 15/3/2017, bà T nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 16/3/2017.

Lý do Công ty chấm dứt Hợp đồng lao động với bà T là căn cứ vào khoản 7 Điều 36 của Bộ luật Lao động, cụ thể là do Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động. Theo thoả thuận tại Hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động của bà T là Công ty chứ không phải Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà cho rằng Công ty đã có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật với người lao động. Bà T yêu cầu Công ty:

- Hủy bỏ quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, nhận người lao động trở lại làm việc;
- Trả cho bà T tiền lương trong thời gian không được làm việc tại Công ty từ ngày 17/3/2017 đến ngày người lao động được nhận trở lại làm việc;
- Bồi thường 2 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật số tiền 792.050.000 đồng;

- Thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật thuộc nghĩa vụ của người sử dụng lao động cho thời gian không được làm việc từ ngày 17/3/2017 đến ngày người lao động được nhận trở lại làm việc.

Bị đơn là Công ty C có người đại diện theo uỷ quyền là bà Lạc Thị Tú Duyệt, ông Nguyễn Hữu Tiến trình bày:

Bà T được tuyển dụng để đảm nhiệm chức vụ Trưởng đại diện của Văn phòng đại diện theo Hợp đồng lao động số CPVN 1501 ký ngày 01/07/2015 có thời hạn xác định từ ngày 01/7/2015 đến ngày 31/12/2017. Sau một thời gian, xét thấy việc duy trì hoạt động của Văn phòng đại diện không còn cần thiết, nên Công ty đã quyết định đóng cửa Văn phòng đại diện căn cứ vào khoản 1 Điều 35 của Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016. Đồng thời Công ty đã nộp thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện cùng các tài liệu đính kèm lên Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được Công văn số 429/SCT-TTTNN của Sở Công Thương đề ngày 13/01/2017 xác nhận cho việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.

Công ty đã gửi thông báo việc chấm dứt hợp đồng lao động đến toàn bộ người lao động vào ngày 10/02/2017 và giải quyết đầy đủ mọi quyền lợi cho 04 người lao động theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam. Cụ thể như sau: Ngày 10/02/2017, Công ty có gửi Thông báo về việc Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động đến bà T thông qua thư điện tử và chuyển phát bằng đường bưu điện, trong đó thông báo cho bà T biết Hợp đồng lao động sẽ chấm dứt sau 30 ngày kể từ ngày của Thông báo chấm dứt (cụ thể là 16/3/2017) do Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động. Bà T đã xác nhận có nhận Thông báo chấm dứt vào ngày 14/02/2017, bà được thanh toán số tiền tổng cộng là 78.520.269 đồng tính đến ngày làm việc cuối cùng là ngày 17/3/2017, trong đó bao gồm: tiền lương tháng 03/2017 theo hợp đồng lao động theo tỷ lệ; tiền lương tháng 13 của năm 2017 theo tỷ lệ; tiền lương của những ngày nghỉ phép năm chưa sử dụng trong năm 2017; trợ cấp thôi việc. Hầu hết người lao động hiểu và chấp nhận lý do cũng như các khoản thanh toán nêu trên từ việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty.

Riêng bà T vẫn cho rằng Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái luật và kiện ra Tòa. Công ty cho rằng Hợp đồng lao động của bà T được chấm dứt một cách hoàn toàn hợp pháp như là kết quả tất yếu của việc Văn phòng đại diện bị chấm dứt hoạt động. Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thanh toán của mình đối với bà T theo quy định của pháp luật. Bà T cũng đã xác nhận về việc nhận đầy đủ các khoản thanh toán từ Công ty vào ngày 28/3/2017. Công ty đã tiến hành việc chốt sổ Bảo hiểm xã hội của bà T tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và đã hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà T. Công ty đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 1558/2019/LĐ-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184; khoản 1 Điều 273; điểm d, đ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 10 Điều 36; điểm c khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 38; Điều 44; Điều 46 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 3; khoản 3 Điều 16 của Luật Thương mại; Căn cứ vào Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012. Căn cứ vào Điều 4, Điều 35, Điều 36 của Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài ở Việt Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phạm Biện Yến Anh T về việc:

- Hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Công ty C vì trái pháp luật và buộc Công ty C nhận bà Phạm Biện Yến Anh T trở lại làm việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động đã ký.

- Buộc Công ty C bồi thường cho bà Phạm Biện Yến Anh T các khoản sau:

+ Tiền lương cho khoảng thời gian không được làm việc tính từ ngày 17/3/2017 đến ngày bà T được nhận trở lại làm việc.

+ Hai (02) tháng tiền lương do bị đơn phưng chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

+ Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho khoảng thời gian bà Phạm Biện Yến Anh T không được làm việc theo quy định pháp luật theo mức lương tại Hợp đồng lao động đã ký tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2017 đến ngày bà T được nhận trở lại làm việc.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2019 nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có ý kiến trình bày:

Bà T ký Hợp đồng lao động với Công ty, chứ không phải ký với Văn phòng đại diện công ty. Ông A không phải là người của Văn phòng đại diện mà là Giám đốc tài chính của Công ty và Hợp đồng lao động ngày 01/7/2015 được đóng dấu của Công ty tại Singapore. Công ty được quyền tuyển dụng người lao động để làm Trưởng đại diện của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Tại Thông báo và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đều căn cứ vào hợp đồng được ký giữa công ty và bà T. Theo bà, công ty muốn chấm dứt hợp đồng lao động thì công ty phải làm đúng thủ tục chấm dứt quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ luật lao động. Việc công ty căn cứ khoản 7 Bộ luật lao động với lý do Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động là không đúng, trường hợp này công ty còn hoạt động tại Singapore. Cụ thể là công ty phải thực hiện đúng thỏa thuận tại Thư bổ nhiệm của công ty ngày 04/5/2015 thể hiện vị trí làm việc của bà T, là Trưởng đại diện Văn phòng đại diện của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh, nếu Văn phòng này bị giải thể thì công ty có thể bố trí, chuyển bà T đến công tác bất kỳ văn phòng, dự án, bộ phận, phòng ban, đơn vị, công ty con, các công ty chị em của công ty đang hoạt động hoặc sẽ thành lập tại bất kỳ địa điểm nào trên thế giới có hoặc không có thù lao thêm.

Mặt khác, khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động ảnh hưởng đến việc làm của nhiều người lao động, nên Công ty cần phải thông báo bằng văn bản trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh (cụ thể là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh) và cần xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2012 và hướng dẫn tại Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động năm 2012. Nhưng công ty đã không thực hiện là vi phạm nghiêm trọng Bộ luật lao động.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử buộc công ty hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà T ngày 15/3/2017, phải nhận bà T trở lại làm việc, trả đầy đủ tiền lương trong những ngày bà T không được làm việc tính từ ngày 17/3/2017 cho đến ngày nhận bà T trở lại làm việc, bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và đóng các khoản bảo hiểm theo quy định từ ngày 17/3/2017 đến ngày nhận bà T trở lại làm việc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn - ông Trần Hữu T1 trình bày: Tại Hợp đồng lao động đã thể hiện Văn phòng đại diện của Công ty C là người sử dụng lao động và tham gia ký kết trực tiếp với bà T. Văn phòng đại diện là chủ thể của hợp đồng lao động, được quyền ký kết hợp đồng và tuyển dụng lao động. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, Văn phòng đại diện đã thanh toán tiền lương hàng

tháng cho bà T từ tài khoản của Văn phòng, khai và quyết toán thuế thu nhập cá nhân, khai và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà T. Công ty C tại Singapore không thể hiện vai trò gì trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng với bà T. Khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động thì hợp đồng lao động đương nhiên chấm dứt. Do bà T không hợp tác nên Công ty mới phải đứng ra để tiến hành các thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T. Tại cả hai hợp đồng lao động ngày 12/5/2015 và ngày 01/7/2015, ông Ajay Parakh hay ông Govind Bhandari đều đại diện cho Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng lao động với bà T. Việc buộc Công ty C tại Singapore nhận bà T trở lại làm việc là không thể thực hiện được vì Công ty chỉ thành lập một Văn phòng đại diện tại Việt Nam. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà T là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự và Luật sư đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Công ty C đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà T là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Phạm Biện Yến Anh T trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của của nguyên đơn - bà Phạm Biện Yến Anh T:

[2.1] Hợp đồng lao động số CPVN 1501 ký ngày 01/07/2015 do hai bên giao kết và thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động năm 2012; Công ty C có trụ sở tại số 67 Ubi Road 1, #10-06, Oxley Bizhub, Singapore 408730 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 và khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật Lao động năm 2012 để thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về việc chấm dứt hợp đồng lao động: Theo xác nhận của các bên đương sự thì Văn phòng đại diện công ty có 4 người lao động gồm: Bà Phạm Biện Yến Anh T, ông Nguyễn Văn Anh T2, ông Đào Quý T3 và bà Đặng Thị Thùy T4. Trong đó ba người lao động gồm ông T2, ông T3, bà T4 do Văn phòng đại diện

trực tiếp ký hợp đồng lao động. Trước khi chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã ban hành Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện vào ngày 26/01/2017 cùng các tài liệu đính kèm lên Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh và niêm yết Thông báo tại trụ sở Văn phòng đại diện.

Ngày 10/02/2017, công ty ban hành Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với toàn bộ 4 nhân viên của Văn phòng đại diện trong đó có bà T; ngày 15/3/2017, Công ty ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với toàn bộ 4 nhân viên của Văn phòng đại diện trong đó có bà T. Khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động thì hợp đồng lao động đối với 03 lao động nêu trên (ngoài bà T) đương nhiên chấm dứt theo khoản 7 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 và cả 3 trường hợp này không khiếu nại gì.

Riêng đối với người lao động là bà Phạm Biện Yến Anh T thì hợp đồng lao động do Công ty ký, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc công ty chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ ảnh hưởng đến việc làm của một mình bà T mà không làm ảnh hưởng đến việc làm của nhiều người lao động khác là có cơ sở. Nên trong trường hợp này công ty không cần phải thông báo bằng văn bản trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh (cụ thể là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh) và không cần xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2012 và hướng dẫn tại Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động năm 2012 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về thời hạn báo trước: Ngày 10/02/2017, Công ty có gửi Thông báo về việc Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động đến bà T thông qua thư điện tử và chuyển phát bằng đường bưu điện, trong đó thông báo cho bà T biết Hợp đồng lao động sẽ chấm dứt sau 30 ngày kể từ ngày của Thông báo chấm dứt (cụ thể là 16/3/2017) do Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động. Bà T cũng đã xác nhận về việc nhận được Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 14/02/2017. Do đó, công ty không vi phạm điều khoản báo trước 30 ngày.

Công ty đã trả cho bà T các khoản tiền theo quy định gồm: Tiền lương tháng 03/2017 theo hợp đồng lao động theo tỷ lệ: 45.501.000 đồng, tiền lương tháng 13 của năm 2017 theo tỷ lệ: 15.144.792 đồng, tiền lương của những ngày nghỉ phép năm chưa sử dụng trong năm 2017: 9.964.500 đồng và trợ cấp thôi việc tháng 5/2015 và tháng 6/2015 là 19.801.280 đồng. Sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật là 3.025.550 đồng và tiền thuế thu nhập cá nhân là 9.865.303 đồng, Công ty đã thanh toán cho bà T số tiền tổng cộng là 78.520.269 đồng tính đến ngày làm việc cuối cùng là ngày 17/3/2017. Ngoài ra, Công ty đã đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T theo quy

định của Luật bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà T đến tháng 4/2017 và giao sổ bảo hiểm xã hội cho bà T.

Như vậy, bà T đã được Công ty thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, thông báo chấm dứt hợp đồng lao động trước 30 ngày, thanh toán đầy đủ các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 và điểm b khoản 2 Điều 38, Điều 44 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

[2.4] Về yêu cầu bố trí việc làm: Bà T làm việc tại Công ty với vị trí là Trưởng Văn phòng đại diện công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động, Công ty không thể bố trí cho bà T làm một công việc nào khác. Việc bà T yêu cầu công ty phải bố trí việc làm ở một vị trí khác ở nước ngoài theo thỏa thuận tại Thư bổ nhiệm trong trường hợp Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hoạt động, Hội đồng xét xử xét thấy đây là điều khoản tùy nghi, theo đó công ty chỉ bố trí việc làm cho bà T khi nào có nhu cầu, phụ thuộc vào ý chí và mục đích kinh doanh của công ty, không ai ép buộc được.

Quá trình giải quyết việc chấm dứt hoạt động, Công ty đã nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T đến tháng 4/2017 và tiền trợ cấp thôi việc tháng 5/2015 và tháng 6/2015 nên tòa án cấp sơ thẩm nhận định Công ty không phải thanh toán tiền trợ cấp mất việc làm cho bà T theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2012 là có cơ sở, đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc Công ty C đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Phạm Biện Yên Anh T là đúng quy định pháp luật là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài những tài liệu, chứng cứ đã được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận kháng cáo, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí lao động phúc thẩm: nguyên đơn không phải chịu tiền án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bà Phạm Biện Yến Anh T. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 1558/2019/LĐ-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Biện Yến Anh T về việc:

- Hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Công ty C vì trái pháp luật và buộc Công ty C nhận bà Phạm Biện Yến Anh T trở lại làm việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động đã ký.

- Buộc Công ty C bồi thường cho bà Phạm Biện Yến Anh T các khoản sau:

+ Tiền lương cho khoảng thời gian không được làm việc tính từ ngày 17/3/2017 đến ngày bà T được nhận trở lại làm việc.

+ Hai (02) tháng tiền lương do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

+ Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho khoảng thời gian bà Phạm Biện Yến Anh T không được làm việc theo quy định pháp luật theo mức lương tại Hợp đồng lao động đã ký tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2017 đến ngày bà T được nhận trở lại làm việc.

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Bà Phạm Biện Yến Anh T không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS(2) VP(6) 17b LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đắc Minh